TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 292 /2024/HNGĐ-ST
Ngày: 11/8/2024
"Về việc ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*:* Bà Vũ Thị Yến.
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Kim Hồng
Bà Nguyễn Thị Bích Liên

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tưởng- Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 299/2024/TLST-DS ngày 5 tháng 6 năm 2024 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 326/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 9/7/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 234/2024/QĐH-HNGĐ ngày 25/7/2024 giữa:

- *Nguyên đơn*: Anh **Phan Văn H**, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Số H, xóm A, phường P, thị xã K, tỉnh Hải Dương.

- *Bị đơn*: Chị **Đặng Thị B**, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Khu dân cư L, phường P, thị xã K, tỉnh Hải Dương. Nơi cư trú hiện nay: Đài Loan.

(Anh H có quan điểm đề nghị giải quyết vắng mặt; chị B được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, giấy ủy quyền, đơn đề nghị giải quyết vắng mặt - Nguyên đơn anh Phan Văn H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Đặng Thị B kết hôn trên cơ sở tự nguyện có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện K, tỉnh Hải Dương (nay là UBND phường P, thị xã K, tỉnh Hải Dương ngày 03/8/2016. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được 2 năm thì chị B có nguyện vọng đi Đài Loan lao động, anh đồng ý nên vay mượn tiền để làm giấy tờ cho chị B đi Đài Loan; thời gian đầu chị B vẫn liên lạc và gửi tiền về cho anh trả nợ; đến khi trả nợ xong khoản tiền làm giấy tờ đi Đài Loan thì chị B không gửi tiền và cắt liên lạc với anh, thông qua gia đình anh được biết chị B sống bất hợp pháp tại Đài Loan, không cung cấp địa chỉ và không có ý định về nước. Đến nay, anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị B.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Anh và chị B không có con chung, không có tài sản và công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí ly hôn và các chi phí tố tụng khác: Anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

- Do nguyên đơn anh H không cung cấp được địa chỉ của chị B tại Đài Loan. Tòa án tiến hành xác minh tại gia đình chị B là bà Doãn Thị B1 là mẹ đẻ của chị B. Bà B1 cho biết, chị B thường xuyên liên lạc về gia đình, về điều kiện kết hôn giữa anh H và chị B như anh H trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, anh H và chị B sống hạnh phúc được khoảng 2 năm, đến năm 2018, chị B đi lao động tại Đài Loan, từ khi đi Đài Loan đến nay chị B chưa về thăm gia đình, vợ chồng không có con chung nên không có nhiều ràng buộc. Đến nay, chị B có quan điểm đồng ý ly hôn anh H, tuy nhiên chị B không về để làm thủ tục được, chị B đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật và đề nghị Tòa án tống đạt văn bản tố tụng của Tòa án thông qua bà, bà sẽ có trách nhiệm thông báo cho chị B được biết. Bà đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương, đã thông báo cho chị B được biết, hiện chị B không có địa chỉ cụ thể tại Đài Loan, chị B không cung cấp địa chỉ và không gửi văn bản về Tòa án được, chị B đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung, về tài sản, công nợ chung: Anh H và chị B không có con chung, tài sản, công nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ cho thấy mâu thuẫn của anh H và chị B đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho anh H được ly hôn chị B. Anh H phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bị đơn chị Đặng Thị B có địa chỉ trước khi xuất cảnh: Khu dân cư L, phường P, thị xã K, tỉnh Hải Dương ; hiện chị B đang lao động tại Đài Loan. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

[2] Quá trình giải quyết vụ án, anh H không cung cấp được địa chỉ cụ thể của chị B ở nước ngoài. Tòa án đã nhiều lần yêu cầu nhưng gia chị B đều trình bày không biết địa chỉ cụ thể của chị B tại Đài Loan. Tòa án đã tiến hành giao các văn bản tố tụng cho bà Doãn Thị B1 là mẹ đẻ của chị B để bà B1 thông tin lại cho chị B biết việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa anh H và chị, đồng thời tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, anh H vắng mặt, có đơn và quan điểm đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn chị B đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng qua gia đình và niêm yết các văn bản tố tụng đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, do vậy, căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[3]. Về nội dung:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Phan Văn H và chị Đặng Thị B được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 03 tháng 8 năm 2016 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện K, tỉnh Hải Dương (nay là UBND phường P, thị xã K, tỉnh Hải Dương do vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được 2 năm thì chị B có nguyện vọng đi Đài Loan lao động, anh đồng ý nên vay mượn tiền để làm giấy tờ cho chị B đi Đài Loan; thời gian đầu chị B vẫn liên lạc và gửi tiền về cho anh trả nợ; đến khi trả nợ xong khoản tiền làm giấy tờ đi Đài Loan thì chị B không gửi tiền và không liên lạc với anh, thông qua gia đình anh được biết chị B sống bất hợp pháp tại Đài Loan, không cung cấp địa chỉ và không có ý định về nước. Đến nay, anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị B, thông qua gia đình, chị B xác định vợ tình cảm vợ chồng không còn và đồng ý ly hôn anh H. Xét thấy, mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng và kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh H.

Về con chung, về tài sản, công nợ chung: Anh H và chị B không có con chung, tài sản, công nợ chung nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[4].Về án phí: Anh H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Phan Văn H được ly hôn chị Đặng Thị B.

2. Về án phí: Anh H phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu số 0000769 ngày 5 tháng 6 năm 2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Anh H đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Anh H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Chị B được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- *VKSND tỉnh Hải Dương;*
- *Các đương sự;*
- *Cục THADS tỉnh Hải Dương;*
- *UBND P. Phạm Thái, thị xã Kinh Môn;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Yến